

**NOTABLE NEW POLICIES OF DECREE 58/2025 IN COMPARISON WITH
RECENTLY ISSUED DECREES**
**CÁC CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CỦA NGHỊ ĐỊNH 58/2025 TRONG TƯƠNG
QUAN VỚI CÁC NGHỊ ĐỊNH MỚI BAN HÀNH**

Ngu Truong, Managing Partner
Trang Nguyen, Senior Associate
Kien Doan, Associate

Takeaways

Tiêu điểm

(i) Incentives for developing renewable energy (RE) and new energy:

Ưu đãi phát triển năng lượng tái tạo (NLTT) và năng lượng mới:

- Prioritize mobilization for renewable energy projects with peak-hour electricity storage
Ưu tiên huy động đối với dự án NLTT có lưu trữ điện vào giờ cao điểm
- Support research and localization of renewable energy technology
Hỗ trợ nghiên cứu và nội địa hóa công nghệ NLTT
- Commit to mobilize at least 70% of electricity output from new energy projects (green hydrogen, green ammonia)
Cam kết huy động tối thiểu 70% sản lượng điện từ dự án năng lượng mới (hydrogen xanh, amoniac xanh)

(ii) Expanding the principles and subjects of application of self-produced and self-consumed electricity:

Mở rộng nguyên tắc và đối tượng áp dụng điện tự sản, tự tiêu:

- Switching from applying only to rooftop solar power to all types of self-produced and self-consumed electricity sources
Chuyển từ áp dụng riêng cho điện mặt trời mái nhà sang toàn bộ các loại nguồn điện tự sản, tự tiêu
- Clearly defining the limit of surplus electricity sold to EVN: 20% for rooftop solar power, 10% for other sources
Quy định rõ giới hạn điện dư được bán cho EVN: 20% với điện mặt trời mái nhà, 10% với các nguồn khác
- Adding more specific technical and system safety requirements
Bổ sung yêu cầu kỹ thuật và an toàn hệ thống cụ thể hơn

(iii) Clearly define the capacity scale for self-produced and self-consumed power sources:

Quy định rõ về quy mô công suất cho nguồn điện tự sản tự tiêu:

- Capacity must be consistent with power planning and current power load status
Công suất phải phù hợp với quy hoạch điện lực và thực trạng phụ tải điện
- Apply specific formulas to determine maximum installed capacity
Áp dụng công thức cụ thể để xác định công suất lắp đặt tối đa

(iv) Update preferential policies for rooftop solar power:

Cập nhật chính sách ưu đãi đối với điện mặt trời mái nhà:

- Simplify the method of determining surplus power output
Đơn giản hóa phương pháp xác định sản lượng điện dư
- Allow unlimited surplus power sales in areas without grid power
Cho phép bán điện dư không giới hạn tại khu vực chưa có điện lưới
- Simplify procedures for granting power operation licenses
Đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực



Decree 58/2025/ND-CP (“**Decree 58**”) was issued to specify the provisions of the Electricity Law 2024 related to the development of RE and new energy, and at the same time inherit, adjust and overcome the existing limitations in Decree 135 (“**Decree 135**”) on the mechanism of self-produced and self-consumed electricity. While Decree 135 laid the foundation for the official recognition of the self-produced and self-consumed solar power model, Decree 58 expanded the scope of regulation to many types of renewable energy and new energy, while adding a mechanism for managing surplus electricity, clearly defining capacity limits and technical requirements to ensure the stability of the national power system.

*Nghị định 58/2025/NĐ-CP (“**Nghị Định 58**”) được ban hành nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Điện lực 2024 liên quan đến phát triển điện NLTT và điện năng lượng mới, đồng thời kế thừa, điều chỉnh và khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong Nghị Định 135 (“**Nghị Định 135**”) về cơ chế điện tự sản xuất, tự tiêu thụ. Nếu Nghị Định 135 đặt nền móng cho việc công nhận chính thức mô hình điện mặt trời tự sản tự tiêu, thì Nghị Định 58 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh sang nhiều loại hình năng lượng tái tạo và năng lượng mới, đồng thời bổ sung cơ chế quản lý điện dư, quy định rõ giới hạn công suất và yêu cầu kỹ thuật để đảm bảo tính ổn định của hệ thống điện quốc gia.*

Together with Decree 57/2025/ND-CP (“**Decree 57**”) on the direct power purchase agreement (DPPA) mechanism and Decree 61/2025/ND-CP (“**Decree 61**”) regulating the procedures for granting electricity operation licenses, Decree 58 has contributed to perfecting the legal framework regulating the renewable energy electricity market in Vietnam in a more synchronous, transparent and favorable direction for investors. In particular, Decree 58 marks the first time the State has officially established a legal foundation for the development of offshore wind power – a field expected to become a strategic driving force in the country’s energy transition process.

*Cùng với Nghị định 57/2025/NĐ-CP (“**Nghị Định 57**”) về cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) và Nghị định 61/2025/NĐ-CP (“**Nghị Định 61**”) quy định về trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực, Nghị Định 58 đã góp phần hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh thị trường điện năng lượng tái tạo tại Việt Nam theo hướng đồng bộ, minh bạch và thuận lợi hơn cho nhà đầu tư. Đặc biệt, Nghị Định 58 đánh dấu lần đầu tiên Nhà nước chính thức thiết lập nền tảng pháp lý cho phát triển điện gió ngoài khơi – lĩnh vực đang được kỳ vọng trở thành động lực chiến lược trong tiến trình chuyển dịch năng lượng của quốc gia.*

This article analyzes Decree 58's highlights, especially the relationship between this decree and newly issued related legal documents. The goal is to provide businesses

and investors with a comprehensive view of the preferential policies and legal management orientations being formed, thereby supporting decision-making and effective implementation of renewable energy projects in Vietnam in the coming period.

Bài viết này tập trung phân tích các nội dung nổi bật của Nghị Định 58, đặc biệt là mối quan hệ giữa nghị định này với các văn bản pháp lý liên quan mới được ban hành. Mục tiêu là cung cấp cho doanh nghiệp và nhà đầu tư một cái nhìn toàn diện về các chính sách ưu đãi và định hướng quản lý pháp lý đang hình thành, từ đó hỗ trợ việc ra quyết định và triển khai hiệu quả các dự án NLTT tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

1. Incentives for the development of renewable energy and new energy **Ưu đãi phát triển NLTT và năng lượng mới**

One of the major focuses of Decree 58 is to establish clear, direct and in-depth incentive policies to promote investment in renewable energy and new energy power projects. Articles 4, 5 and 6 of Decree 58 specifically stipulate groups of incentive policies, including:

Một trong những trọng tâm lớn của Nghị Định 58 là thiết lập các chính sách ưu đãi rõ ràng, trực diện và có chiều sâu nhằm thúc đẩy đầu tư vào các dự án điện sử dụng NLTT và năng lượng mới. Điều 4, 5 và 6 Nghị Định 58 quy định cụ thể các nhóm chính sách ưu đãi, bao

gồm:

(a) Priority mobilization for renewable energy projects with electricity storage

Ưu tiên huy động đối với dự án NLTT có lưu trữ điện

Enterprises need to meet three mandatory conditions to enjoy the priority mobilization mechanism, including: (1) Using renewable energy sources (such as solar power, wind power, biomass power); (2) Having an integrated electricity storage system (for example, large capacity storage batteries); and (3) Having been connected to the national electricity system.

Doanh nghiệp cần đáp ứng ba điều kiện bắt buộc để được hưởng cơ chế huy động ưu tiên, bao gồm: (1) Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (như điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối); (2) Có tích hợp hệ thống lưu trữ điện (ví dụ: pin lưu trữ công suất lớn); và (3) Đã đấu nối vào hệ thống điện quốc gia.

Projects that meet the three conditions above will be prioritized for mobilization during peak hours. This helps optimize the operational and financial efficiency of the project, while promoting the development of storage solutions to overcome the specific intermittency of

renewable energy such as solar and wind power.

Những dự án đáp ứng đủ ba điều kiện nêu trên sẽ được huy động ưu tiên vào giờ cao điểm. Điều này giúp tối ưu hóa hiệu quả vận hành và tài chính cho dự án, đồng thời thúc đẩy phát triển các giải pháp lưu trữ nhằm khắc phục tính gián đoạn đặc thù của năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió.

However, this preferential mechanism does not apply to self-produced and self-consumed power systems, which are projects that do not generate electricity for the grid or do not have a power purchase contract with the power unit. This regulation demonstrates the State's orientation in attaching preferential policies to projects that make a real contribution to the supply-demand balance of the national power system.

Tuy nhiên, cơ chế ưu tiên này không áp dụng đối với các hệ thống điện tự sản xuất, tự tiêu thụ – tức các dự án không phát điện lên lưới hoặc không có hợp đồng mua bán điện với đơn vị điện lực. Quy định này thể hiện định hướng của Nhà nước trong việc gắn chính sách ưu đãi với những dự án có đóng góp thực tế vào cân bằng cung – cầu của hệ thống điện quốc gia.

Note that, although rooftop solar power systems can sell surplus electricity to the national grid, if they are built with the main purpose of self-production and self-consumption, they are still not subject to the priority mechanism for peak hour mobilization as prescribed in Article 4 of Decree 58.

Lưu ý rằng, mặc dù hệ thống điện mặt trời mái nhà có thể bán phần điện dư lên lưới điện quốc gia, nhưng nếu được xây dựng với mục đích chính là tự sản xuất, tự tiêu thụ thì vẫn không thuộc phạm vi áp dụng của cơ chế ưu tiên huy động vào giờ cao điểm theo quy định tại Điều 4 Nghị Định 58.

(b) Support for research and localization of renewable energy technology
Hỗ trợ nghiên cứu và nội địa hóa công nghệ NLTT

Instead of focusing only on electricity price incentives or tax exemptions, the State encourages **further investment in R&D and equipment manufacturing** - the foundation for sustainable development, cost reduction, and increased technological mastery. The provisions in Article 5 of Decree 58 demonstrate the State's strategic orientation in building **endogenous** capacity for the renewable energy industry, instead of

relying solely on imported equipment and technology as it is currently.

Thay vì chỉ tập trung vào ưu đãi giá điện hay miễn giảm thuế, Nhà nước khuyến khích đầu tư hơn nữa vào R&D và sản xuất thiết bị – là nền tảng để phát triển bền vững, giảm giá thành, tăng khả năng làm chủ công nghệ. Quy định tại Điều 5 Nghị Định 58 thể hiện rõ định hướng chiến lược của Nhà nước trong việc xây dựng năng lực nội sinh cho ngành NLTT, thay vì chỉ phụ thuộc vào thiết bị, công nghệ nhập khẩu như hiện nay.

The three main groups of beneficiaries of support include: (1) R&D activities in the field of solar power and wind power; (2) Technology application activities in production and plant operation; and (3) Enterprises, research institutes, and science and technology organizations investing in the production of key equipment such as: solar panels, wind turbines, power converters (inverters), control and storage systems.

Ba nhóm đối tượng được hưởng hỗ trợ chính, bao gồm: (1) Hoạt động R&D trong lĩnh vực điện mặt trời, điện gió; (2) Hoạt động ứng dụng công nghệ vào sản xuất và vận hành nhà máy; và (3) Doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức KH&CN đầu tư sản xuất các thiết bị then chốt như: tấm pin mặt trời, tua bin gió,

bộ chuyển đổi điện (inverter), hệ thống điều khiển và lưu trữ.

These policies pave the way for the development of domestic supply chains, create jobs, increase technological content and promotion of localization in the renewable energy industry.

Những chính sách này mở đường cho việc hình thành chuỗi cung ứng trong nước, tạo việc làm, tăng hàm lượng công nghệ và thúc đẩy tiến trình nội địa hóa trong ngành công nghiệp năng lượng tái tạo.

(c) Minimum Mobilization Commitment – Financial Leverage for New Energy Projects

Cam kết huy động tối thiểu – Đòn bẩy tài chính cho dự án năng lượng mới

According to Article 6 of Decree 58, power projects using new energy – including green hydrogen and green ammonia – will enjoy a series of preferential policies and support if they fully meet the following three conditions: *Theo Điều 6 Nghị Định 58, các dự án điện sử dụng năng lượng mới – bao gồm hydrogen xanh và amoniac xanh – sẽ được hưởng một loạt chính sách ưu đãi và hỗ trợ nếu đáp ứng đầy đủ ba điều kiện sau:*

- (i) Using entirely green hydrogen, green ammonia or a mixture of the two as power generation sources
Sử dụng hoàn toàn hydrogen xanh, amoniac xanh hoặc hỗn hợp của hai loại này làm nguồn phát điện
- (ii) Connecting and supplying electricity to the national power system
Có đầu nối và cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia
- (iii) Being the first project of each type of new energy to be deployed in Vietnam
Là dự án đầu tiên thuộc từng loại hình năng lượng mới được triển khai tại Việt Nam

The above qualified projects will be subject to special incentive mechanisms, including: exemption from sea area usage fees, land rent (or land use fees) during the basic construction period (up to 3 years from the date of construction commencement) and continued 50% reduction in sea usage fees for the following 9 years.

Những dự án đủ điều kiện nêu trên sẽ được áp dụng cơ chế ưu đãi đặc biệt, bao gồm: miễn tiền sử dụng khu vực biển, tiền thuê đất (hoặc tiền sử dụng

đất) trong thời gian xây dựng cơ bản (tối đa 3 năm từ ngày khởi công xây dựng) và tiếp tục được giảm 50% tiền sử dụng biển trong thời gian 9 năm sau đó.

The highlight of the preferential policy for new energy power projects is the commitment to a minimum contracted electricity output of **70% during the principal repayment period**, but not exceeding 12 years, unless otherwise agreed by the parties. This mechanism helps investors ensure a stable cash flow during the payback period, thereby increasing access to credit capital and improving the project's bankability. However, the policy does not apply if the project does not generate enough output due to the investor's fault, low load demand or the power system's inability to receive the entire capacity. This mechanism is similar to the output guarantee model ("take-or-pay") currently applied in many countries, reflecting progress in market orientation and investment risk control for projects using green hydrogen and green ammonia in Vietnam.

*Điểm nổi bật trong chính sách ưu đãi đối với dự án điện năng lượng mới là cam kết sản lượng điện hợp đồng tối thiểu đạt **70% trong thời gian trả nợ gốc vốn vay**, nhưng không quá 12 năm, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Cơ chế này giúp nhà đầu tư đảm bảo dòng tiền*

ổn định trong giai đoạn hoàn vốn, từ đó gia tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng và cải thiện khả năng được tài trợ vốn (bankability) của dự án. Tuy nhiên, chính sách không áp dụng nếu dự án không phát đủ sản lượng do lỗi từ phía chủ đầu tư, do nhu cầu phụ tải thấp hoặc do hệ thống điện không thể tiếp nhận toàn bộ công suất. Đây là cơ chế gắn với mô hình bảo lãnh sản lượng ("take-or-pay") đang được áp dụng tại nhiều quốc gia, phản ánh bước tiến trong định hướng thị trường hóa và kiểm soát rủi ro đầu tư cho các dự án sử dụng hydrogen xanh và amoniac xanh tại Việt Nam.

2. Expanding the principles and subjects of application of self-produced and self-consumed electricity

Mở rộng nguyên tắc và đối tượng áp dụng điện tự sản, tự tiêu

Decree 58 not only inherits the spirit of Decree 135, but also expands the scope of regulation, adds a mechanism to control surplus electricity, and specifies technical requirements to ensure the safety of the national power system. These changes demonstrate the State's orientation in shifting from a single incentive mindset to a more comprehensive, transparent and effective management of self-produced and self-consumed electricity sources. Below are four notable differences to note.

Nghị Định 58 không chỉ kế thừa tinh thần của Nghị Định 135, mà còn mở rộng phạm vi điều chỉnh, bổ sung cơ chế kiểm soát điện dư, và cụ thể hóa các yêu cầu kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn hệ thống điện quốc gia. Các thay đổi này cho thấy rõ định hướng của Nhà nước trong việc chuyển từ tư duy khuyến khích đơn lẻ sang quản lý tổng thể, minh bạch và hiệu quả hơn đối với nguồn điện tự sản, tự tiêu. Dưới đây là bốn điểm khác biệt nổi bật cần lưu ý.

First, in terms of the scope of regulation, Article 4 of Decree 135 stipulates the development principles specifically applicable to self-produced and self-consumed rooftop solar power systems, emphasizing transparency, safety and the principle of connection to the national power system at the local level. Meanwhile, Article 10 of Decree 58 expands the scope of regulation to all types of self-produced and self-consumed power sources (not just solar power), and adds many technical and operational regulations related to the connection and sale of surplus power.

Thứ nhất, về phạm vi điều chỉnh, Điều 4 Nghị Định 135 quy định nguyên tắc phát triển áp dụng riêng cho hệ thống điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ, nhấn mạnh tính minh bạch, an toàn và nguyên tắc đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại địa phương. Trong khi đó, Điều 10 Nghị Định 58 mở rộng phạm vi điều chỉnh cho toàn bộ các loại nguồn điện tự sản, tự tiêu (không chỉ riêng điện mặt trời), đồng thời bổ sung nhiều quy định kỹ thuật và

vận hành liên quan đến việc đấu nối và bán điện dư.

Second, in principle, Decree 135 allows the sale of surplus electricity not exceeding 20% of the actual installed capacity. Meanwhile, Decree 58 stipulates the limit: for power sources other than rooftop solar power, the amount of surplus electricity sold must not exceed 10% of the actual output; and for rooftop solar power, it must not exceed 20% of the actual output. This is an important new point, marking the shift from the "absolute self-consumption" model to the "controlled self-consumption" model, creating a more transparent legal basis for handling surplus electricity generated from small-scale systems.

Thứ hai, về nguyên tắc bán điện dư, Nghị Định 135 cho phép bán điện dư không quá 20% công suất lắp đặt thực tế. Trong khi đó, Nghị Định 58 quy định rõ giới hạn: với nguồn điện không phải điện mặt trời mái nhà, lượng điện dư bán ra không được vượt quá 10% sản lượng thực phát; còn đối với điện mặt trời mái nhà, không được vượt quá 20% sản lượng thực phát. Đây là điểm mới quan trọng, đánh dấu sự chuyển dịch từ mô hình "tự tiêu tuyệt đối" sang mô hình "tự tiêu có kiểm soát", tạo cơ sở pháp lý minh bạch hơn cho việc xử lý điện dư phát sinh từ các hệ thống nhỏ lẻ.

Third, in terms of technical requirements and system safety, both decrees require compliance with regulations on investment,

construction, environmental protection and fire prevention and fighting. However, Decree 58 specifies more technical obligations, such as requiring metering and monitoring equipment for connection systems with a capacity of 100 kW or more, requirements on control and dispatching capabilities when connecting to the national grid, and prohibiting the import of used electrical equipment for system construction.

Thứ ba, về yêu cầu kỹ thuật và an toàn hệ thống, cả hai nghị định đều yêu cầu tuân thủ các quy định về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên, Nghị Định 58 cụ thể hóa nghĩa vụ kỹ thuật nhiều hơn, như bắt buộc có thiết bị đo đếm, giám sát đối với hệ thống đấu nối có công suất từ 100 kW trở lên, yêu cầu về khả năng điều khiển và điều độ khi kết nối vào lưới điện quốc gia, và cấm nhập khẩu thiết bị điện đã qua sử dụng để xây dựng hệ thống.

Finally, in terms of policy spirit, both decrees protect the principle of investor autonomy, not requiring the signing of power purchase and sale contracts without an agreement. However, Decree 58 has shifted from the mindset of "encouraging pure self-consumption installation" to "allowing connection and sale of surplus electricity under conditions", reflecting the adaptation to practical needs and requirements for power system dispatch.

Cuối cùng, về tinh thần chính sách, cả hai nghị định đều bảo vệ nguyên tắc tự chủ của

chủ đầu tư, không bắt buộc ký hợp đồng mua – bán điện nếu không có thỏa thuận. Tuy nhiên, Nghị Định 58 đã chuyển hướng từ tư duy "khuyến khích lắp đặt tự tiêu thuần túy" sang "cho phép đấu nối và bán điện dư có điều kiện", phản ánh sự thích nghi với nhu cầu thực tiễn và yêu cầu điều độ hệ thống điện.

The provisions of Article 10 of Decree 58 mark an important shift from the narrow pilot mechanism of Decree 135 to a more synchronous and widespread implementation of self-produced and self-consumed electricity from renewable energy. Expanding the scope of application while maintaining stable legal principles contributes to improving feasibility, creating confidence for investors and paving the way for on-site electricity production models to develop more substantially and sustainably.

Quy định tại Điều 10 của Nghị Định 58 đánh dấu bước chuyển quan trọng từ cơ chế thí điểm tại Nghị Định 135 diện hẹp sang triển khai đồng bộ và rộng rãi hơn đối với điện tự sản, tự tiêu từ NLTT. Việc mở rộng phạm vi áp dụng, đồng thời duy trì các nguyên tắc pháp lý đã ổn định, góp phần nâng cao tính khả thi, tạo niềm tin cho nhà đầu tư và mở đường cho các mô hình sản xuất điện tại chỗ phát triển thực chất, bền vững hơn.

3. Clearly define the capacity scale for self-produced and self-consumed power sources and inherit the transition mechanism

Quy định rõ về quy mô công suất cho nguồn điện tự sản tự tiêu và kế thừa cơ chế chuyển tiếp

A notable technical addition in Decree 58 is the clear establishment of a method for determining the scale of capacity for developing self-produced and self-consumed power sources from renewable energy and new energy, as stipulated in Article 11, specifically as follows:

Một điểm bổ sung kỹ thuật đáng chú ý trong Nghị Định 58 là việc xác lập rõ phương pháp xác định quy mô công suất phát triển nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ NLTT và năng lượng mới được quy định tại Điều 11, cụ thể như sau:

The capacity for developing self-produced and self-consumed power sources must be determined in accordance with the power planning, the power supply network development plan in the provincial planning and the current load status of the organization or individual.

Công suất phát triển nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ phải được xác định phù hợp với quy hoạch điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh và thực trạng phụ tải điện của tổ chức hoặc cá nhân.

Notably, the decree has stipulated a specific formula for determining the maximum installed capacity (P_{max}), based on the voltage level and the largest current of the

electricity meter (single phase or 3 phase), taking into account the current transformer coefficient if applicable.

Đáng chú ý, nghị định đã quy định công thức cụ thể để xác định công suất lắp đặt tối đa (P_{max}), dựa trên cấp điện áp và dòng điện lớn nhất của công tơ điện (1 pha hoặc 3 pha), có xét đến hệ số biến dòng nếu áp dụng.

4. Update on preferential policies for self-produced and self-consumed rooftop solar power

Cập nhật các chính sách ưu đãi đối với điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu

In the process of perfecting the legal framework for self-produced and self-consumed electricity, Decree 58 continues to make important adjustments to the group of subjects that accounts for the largest proportion in current self-produced and self-consumed models - rooftop solar power. The revised contents are shown in Articles 13 and 14, focusing on two main aspects: simplifying the method of measuring surplus electricity output and expanding the scope of selling surplus electricity in areas without the national grid. In addition, the synchronization of the incentive mechanism for this renewable energy source is also shown in Decree 61 in the shortening of procedures for applying for a power operation license.

Trong quá trình hoàn thiện khung pháp lý cho điện tự sản xuất, tự tiêu thụ, Nghị Định 58 tiếp

tục có những điều chỉnh quan trọng đối với nhóm đối tượng vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các mô hình tự sản, tự tiêu hiện nay – đó là điện mặt trời mái nhà. Các nội dung sửa đổi được thể hiện tại Điều 13 và Điều 14, tập trung vào hai phương diện chính: đơn giản hóa phương pháp đo đặc sản lượng điện dư và mở rộng phạm vi bán điện dư tại các vùng chưa có điện lưới quốc gia. Ngoài ra, sự đồng bộ về cơ chế ưu đãi cho nguồn NLTT này còn được thể hiện tại Nghị Định 61 ở việc rút gọn thủ tục xin cấp giấy phép hoạt động điện lực.

(a) Simplifying the method of determining surplus electricity output

Đơn giản hóa phương pháp xác định sản lượng điện dư

One of the major barriers to selling surplus electricity to the national power system is the complex technical requirements related to measuring, separating and verifying surplus electricity output accurately. Decree 58 has made an improvement by regulating the method of determining surplus electricity output in a more flexible way, allowing the application of calculation formulas instead of direct measurement in appropriate cases, contributing to reducing the cost of investing in specialized metering equipment and simplifying the inspection process.

Một trong những rào cản lớn đối với việc bán phần điện dư vào hệ thống điện quốc gia là yêu cầu kỹ thuật phức tạp liên quan đến việc đo đếm, tách dòng và xác minh sản lượng điện dư một cách chính xác. Nghị Định 58 đã có bước cải tiến khi quy định phương pháp xác định sản lượng điện dư theo hướng linh hoạt hơn, cho phép áp dụng các công thức tính toán thay thế đo đạc trực tiếp trong những trường hợp phù hợp, góp phần giảm chi phí đầu tư thiết bị đo đếm chuyên dụng và đơn giản hóa quy trình kiểm định.

Specifically, the monthly electricity output from the rooftop solar power system can be calculated according to the formula: $A_i = PV_{out}(i) \times P_{iđ}$, in which A_i is the electricity output in the i -th month (unit: kWh); $PV_{out}(i)$ is the average electricity generation factor (kWh/kWp) corresponding to the i -th month in each locality, announced annually by EVN after receiving comments from the Ministry of Industry and Trade and the Ministry of Agriculture and Environment; and $P_{iđ}$ is the total actual installed capacity of the system (unit: kWp).

Cụ thể, sản lượng điện phát hàng tháng từ hệ thống điện mặt trời mái nhà có thể được tính toán theo công thức: $A_i = PV_{out}(i) \times P_{iđ}$, trong đó A_i là sản lượng điện phát trong tháng thứ i (đơn vị:

kWh); $PV_{out}(i)$ là hệ số phát điện trung bình (kWh/kWp) tương ứng với tháng thứ i tại từng địa phương, được EVN công bố hằng năm sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; còn $P_{iđ}$ là tổng công suất lắp đặt thực tế của hệ thống (đơn vị: kWp).

(b) Add a special mechanism to sell unlimited surplus electricity in areas without grid power
Bổ sung cơ chế đặc biệt bán điện dư không giới hạn tại khu vực chưa có điện lưới

In the context that many mountainous, border and island areas still do not have stable access to the national power system, Decree 58 allows investors to sell all unlimited surplus electricity output in these areas. This mechanism not only encourages investment in independent renewable energy power systems but also contributes to improving people's quality of life, promoting economic development in disadvantaged areas and enhancing energy security nationwide.

Trong bối cảnh nhiều khu vực miền núi, biên giới, hải đảo vẫn chưa được tiếp cận ổn định với hệ thống điện quốc gia, Nghị Định 58 cho phép chủ đầu tư được bán toàn bộ sản lượng điện dư không giới hạn tại những vùng này. Cơ chế này

không chỉ khuyến khích đầu tư vào các hệ thống điện NLTT độc lập mà còn góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế tại các khu vực khó khăn và nâng cao an ninh năng lượng trên toàn quốc.

(c) Supplementing incentives on procedures for granting electricity operation licenses in Decree 61
Bổ sung ưu đãi về thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực tại Nghị định 61

At the same time, the content of Article 8 of Decree 61 has specified incentives on administrative procedures for self-produced and self-consumed rooftop solar power. Accordingly:

Đồng thời, nội dung tại Điều 8 Nghị Định 61 đã cụ thể hóa ưu đãi thủ tục hành chính cho điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu thụ. Theo đó:

- For rooftop solar power projects with an installed capacity of 01 MW to less than 10 MW, investors are exempted from submitting documents on the technical operation and management team, which is a mandatory requirement for all other types.
Đối với công trình điện mặt trời mái nhà có công suất lắp đặt từ 01 MW đến dưới 10 MW, chủ đầu tư

được miễn nộp các hồ sơ về đội ngũ vận hành và quản lý kỹ thuật, là yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các loại hình khác.

- In addition, in the case of registering for rooftop solar power development, investors need to provide a Rooftop Solar Power Development Registration Certificate - a simplified procedure compared to investment licenses or grid connection agreements in other forms of power generation infrastructure development. *Ngoài ra, trường hợp đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà, nhà đầu tư cần cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà – một thủ tục đơn giản hóa so với giấy phép đầu tư hoặc thỏa thuận đấu nối trong các hình thức phát triển cơ sở hạ tầng phát điện khác.*

This is considered a special administrative incentive, aiming to shorten processing time, reduce compliance costs and encourage businesses to quickly deploy small to medium-scale self-consumption rooftop solar power projects, especially in industrial parks and medium-sized production complexes.

Đây được xem là một ưu đãi hành chính đặc biệt, nhằm rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ và khuyến khích doanh nghiệp nhanh chóng triển khai dự án điện mặt trời mái nhà tự tiêu quy mô nhỏ đến trung bình, đặc biệt là trong các khu công nghiệp, tổ hợp sản xuất quy mô vừa.

5. Conclusion Kết luận

Decree 58 marks an important step forward in perfecting the legal framework for the development of renewable energy and new energy in Vietnam. Combined with Decree 57 on the direct electricity trading mechanism and Decree 61 on licensing procedures, these three documents create a synchronous policy system, promoting investment in the green energy industry.

Nghị Định 58 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý cho phát triển điện năng lượng tái tạo và năng lượng mới tại Việt Nam. Kết hợp với Nghị Định 57 về cơ chế mua bán điện trực tiếp và Nghị Định 61 về thủ tục cấp phép, bộ ba văn bản này tạo nên một hệ thống chính sách đồng bộ, thúc đẩy đầu tư vào ngành năng lượng xanh.

The outstanding policies of Decree 58 include: *Những chính sách nổi bật của Nghị Định 58 bao gồm:*

- Establishing a clear incentive mechanism for renewable energy projects with integrated storage systems, with priority given to mobilizing during peak hours. *Thiết lập cơ chế ưu đãi rõ ràng cho các dự án NLTT có tích hợp hệ thống lưu trữ, được ưu tiên huy động vào giờ cao điểm.*
- Supporting research, development and localization of technology, aiming to build domestic renewable energy equipment manufacturing capacity. *Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và nội địa hóa công nghệ, nhằm xây dựng năng lực sản xuất thiết bị NLTT trong nước.*
- Committing to mobilizing at least 70% of electricity output from new energy projects (green hydrogen, green ammonia), creating financial leverage for investors. *Cam kết huy động tối thiểu 70% sản lượng điện từ dự án năng lượng mới (hydrogen xanh, amoniac xanh), tạo đòn bẩy tài chính cho nhà đầu tư.*
- Expand the scope of self-produced and self-consumed electricity from only rooftop solar power to all types of power sources. *Mở rộng phạm vi áp dụng của điện tự sản, tự tiêu từ chỉ điện mặt trời mái nhà sang tất cả các loại nguồn điện.*

- Stipulate the limit of surplus electricity sold to the grid: 20% for rooftop solar power and 10% for other sources.
Quy định rõ giới hạn điện dư được bán lên lưới: 20% đối với điện mặt trời mái nhà và 10% đối với các nguồn khác.
- Simplify administrative procedures, grant special licenses for rooftop solar power with a capacity of 1-10 MW.
Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cấp phép đặc biệt cho điện mặt trời mái nhà có công suất từ 1-10 MW.

Decree 58 has shifted from a single incentive mindset to comprehensive management, from the "absolute self-consumption" model to "controlled self-consumption", creating favorable conditions for businesses to develop renewable energy projects sustainably and effectively. At the same time, this decree also opens up development potential for remote areas without grid electricity through the mechanism of unlimited surplus electricity sales.

Nghị Định 58 đã chuyển từ tư duy khuyến khích đơn lẻ sang quản lý tổng thể, từ mô hình "tự tiêu tuyệt đối" sang "tự tiêu có kiểm soát", tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển các dự án năng lượng tái tạo một cách bền vững và hiệu quả. Đồng thời, nghị định này cũng mở ra tiềm năng phát triển cho các vùng sâu, vùng xa chưa có điện lưới thông qua cơ chế bán điện dư không giới hạn.

With these progressive policies, Vietnam is building a favorable and sustainable legal environment for the green energy transition, meeting the socio-economic development goals associated with environmental protection and a commitment to reducing greenhouse gas emissions.

Với những chính sách tiến bộ này, Việt Nam đang xây dựng một môi trường pháp lý thuận lợi và bền vững cho quá trình chuyển dịch năng lượng xanh, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội gắn liền với bảo vệ môi trường và cam kết giảm phát thải khí nhà kính.



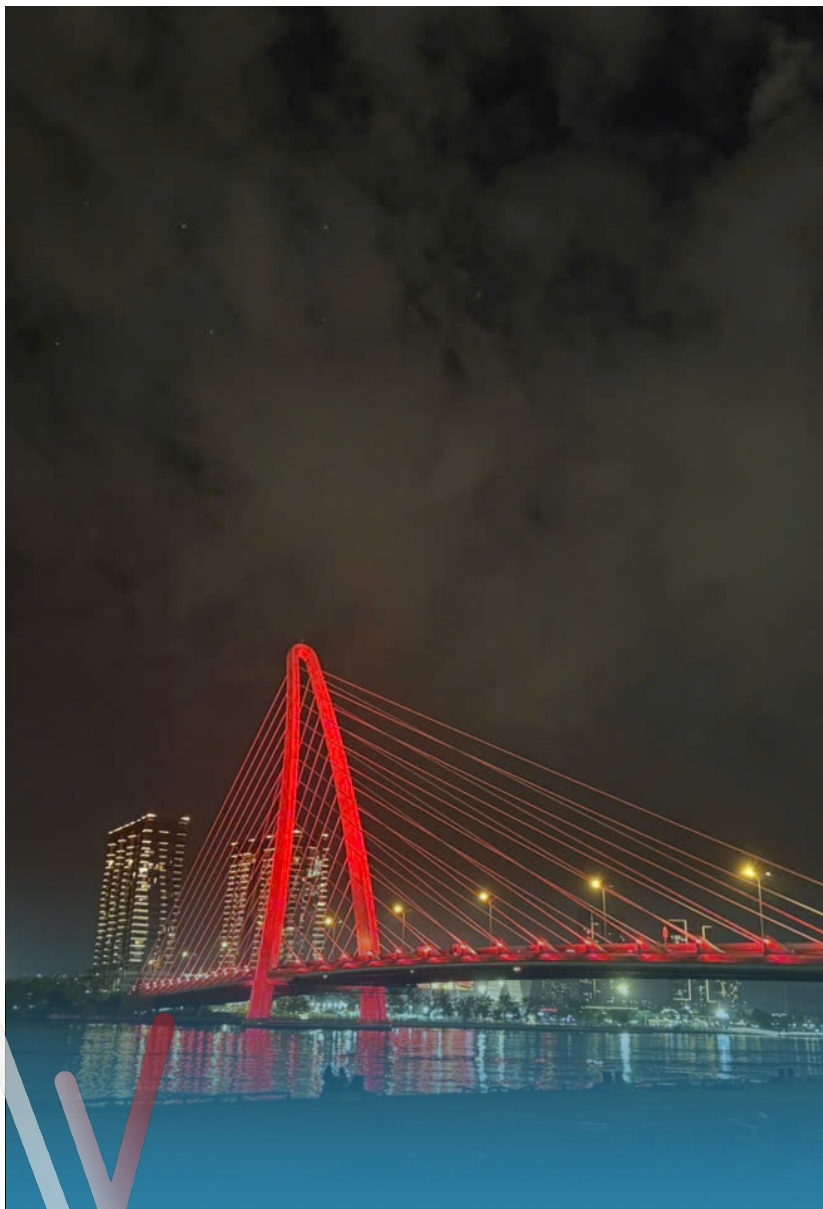
ABOUT VILASIA VỀ VILASIA

At Vilasia, we dedicate our full expertise and empathy to every client's cause. Our aim is not just to meet but to exceed your expectations without introducing unnecessary complexity or cost. With direct partner involvement, we ensure that you benefit directly from our deep experience and specialized knowledge. We maintain transparent, fixed fees, allowing us to focus solely on delivering the highest quality service and the quickest turnaround possible.

Chúng tôi dành toàn tâm, toàn ý cho mọi vấn đề. Mục tiêu của chúng tôi không chỉ là đáp ứng mà còn vượt ngoài mong đợi của khách hàng bằng chất lượng chuyên môn lẫn hiệu quả kinh tế. Luật sư hợp danh (partner) đều trực tiếp tham gia xử lý hoặc giám sát chặt chẽ công việc để bảo đảm rằng khách hàng hưởng lợi từ kinh nghiệm sâu rộng của những luật sư kỳ cựu nhất. Chúng tôi áp dụng mức phí minh bạch, cố định, và như thế chúng tôi có thể tập trung hoàn toàn vào việc cung cấp dịch vụ với chất lượng cao nhất trong thời gian ngắn nhất có thể.

By fostering a culture of close collaboration with clients, Vilasia supports a broader mission to encourage equitable economic growth and innovation throughout Vietnam. We engage in every case with a full heart and a sharp mind, ensuring that the legal support we offer is not just effective but also deeply empathetic and aligned with your real needs.

Bằng cách làm việc sâu sát với khách hàng, Vilasia theo đuổi sứ mệnh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế công bằng và đổi mới sáng tạo trên khắp Việt Nam. Chúng tôi tham gia vào mọi dự án với trái tim nhiệt thành và trí óc sắc bén, để sự hỗ trợ pháp lý mà chúng tôi cung cấp không chỉ hiệu quả mà còn thấu cảm sâu sắc và phù hợp với nhu cầu thực tế của khách hàng.



**VILASIA EMBODIES A UNIQUE BLEND OF:
VILASIA LÀ SỰ KẾT HỢP ĐỘC ĐÁO GIỮA:**



Youthful Zeal and
Seasoned Expertise
*Nhiệt Huyết Trẻ Trung và
Kinh Nghiệm Dày Dặn*



Theoretical Knowledge
and Practical Application
*Lý Thuyết Sâu Rộng và
Ứng Dụng Thực Tế*



Global Professional
Standards and Deep
Local Insights
*Tiêu Chuẩn Quốc Tế và
Am Hiểu Địa Phương*



Traditional Values with
Modern Technologies
*Giá Trị Truyền Thống và
Công Nghệ Hiện Đại*



Profit Seeking with Social
Contribution
*Tim Kiếm Lợi Nhuận và
Cống Hiến Cộng Đồng*



Adaptive Flexibility with
Structured Governance
*Thích Ứng Linh Hoạt
và Quản Trị Chặt Chẽ*

CONTACT US
LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI

Visit Our Website
Website

www.vil.asia

Visit Our LinkedIn
LinkedIn

<https://www.linkedin.com/company/vilasia/>

Call Us
Điện thoại

(+84)286.270.8696

Email Us
Email

partners@vil.asia

Meet Us in Person
Gặp mặt trực tiếp

Aqua 1, Vinhomes Golden River 2
Ton Duc Thang
District 1, HCMC, Vietnam
Aqua 1, Vinhomes Golden River 2
Tôn Đức Thắng
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam



Ngu Truong
Managing Partner
ngutruong@vil.asia



Kien Doan
Associate
kiendoan@vil.asia



Trang Nguyen
Senior Associate
thuytrangnguyen@vil.asia